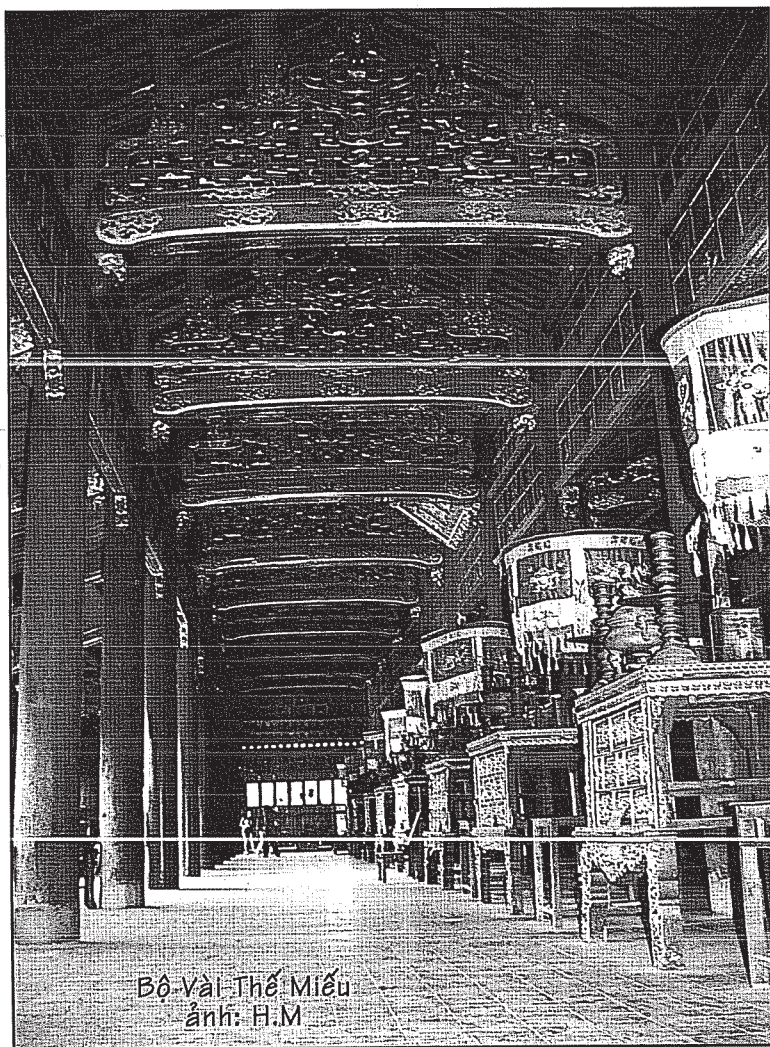


# KIẾN TRÚC CỔ HUẾ TỪ GÓC ĐỘ KHÔNG GIAN

VŨ HỮU MINH\*



Bộ-Vài-Thế Miếu  
ảnh: H.M

**K**hông gian kiến trúc nói chung là phạm trù của nghệ thuật kiến trúc, nó gắn liền với các phạm trù lịch sử, tư tưởng, tâm lý... Không gian kiến trúc thời nào gắn với bối cảnh xã hội thời đó. Ở thời Lý, các ngôi chùa "hành cung" lồng lộng trên đồi cao giữa không gian mênh mông của đồng bằng, biểu hiện tư tưởng "Nam quốc sơn hà Nam đế cư" như khẳng định độc lập dân tộc trước đế quốc

khổng lồ Hán, không gian kiến trúc Trần gần hơn với đời, gắn với ý thức dân tộc, với hoà khí "vua tôi đồng lòng, anh em gắng sức". Ngày nay, do sự phân hoá xã hội, không gian kiến trúc ít nhiều càng mang ý nghĩa phục vụ tầng lớp này hay tầng lớp khác. Không gian kiến trúc Nguyễn qua đó rõ ràng không chỉ là không gian của thiên nhiên, của đất trời, của các công trình xây dựng mà còn chứa đựng trong đó những vấn đề tư tưởng, tâm lý, tình cảm gắn liền với Nho, với Thiên bởi điều kiện lịch sử đã quy định nên nó.

Trong việc nghiên cứu di sản kiến trúc dân tộc, người ta thường băn khoăn về sự hiếm hoi của loại hình kiến trúc cung đình. Bởi vậy, dấu đổ nát nhiều, kiến trúc cung đình Nguyễn ở Huế vẫn được xem là còn lại duy nhất. Bản khoản nửa khi xem xét thời kỳ gần hai trăm năm tồn tại ở phía Nam Hoàng Sơn, các chúa Nguyễn rồi các vua Tây Sơn dù gắng dựng xây kiến thiết, nhưng chiến tranh, thiên tai và ngoại xâm đã không còn để lại cho hôm nay bóng dáng gì có thể giúp đôi chút cho người muốn tìm hiểu. Cho nên người ta thường hướng ra miền Bắc để tìm xem có mối liên hệ nào giữa kiến trúc cung đình Huế với các kiến trúc cổ truyền miền Bắc mà từ lâu đã và đang được thẩm định về giá trị.

Ở Huế, với ưu thế riêng của loại hình kiến

\*Nguyên cán bộ phòng KT, TT BTDĐT CĐ Huế

trúc cung đình, với ưu thế cảnh quan thiên nhiên và không thể không nói tới ưu thế về vật chất và tinh thần của tầng lớp thống trị (kể chi phối quá trình sáng tạo), nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc(1) đã được nâng lên mức độ cao, nhằm đáp ứng những ý tưởng quan niệm về vũ trụ, nhân sinh và tâm lý.

Nếu quan sát bằng sơ đồ, người ta dễ nhận thấy mỗi quần thể kiến trúc cung đình Huế về cơ bản bao gồm nhiều "cá thể kiến trúc". Không gian quần thể là tập hợp những "không gian cá thể" và cấu tạo theo những thủ pháp khác nhau. Mỗi "không gian cá thể" (từ lâu người ta quen dùng thuật ngữ khuôn viên - trong bài xin cũng được dùng theo như vậy) trên cơ sở một mặt bằng hình chữ nhật (gần vuông), được giới hạn bốn phía bằng một bức tường cao (thường là quá đầu người) và liên hệ với bên ngoài qua các cổng. Trong khuôn viên như đã thành chuẩn mực, bao giờ các thành phần kiến trúc cũng gồm: nhà, sân, cổng, tường thấp, vườn - cây, mặt nước (bể cạn, hồ hoặc lạch). Trên trục dọc tâm, theo chiều sâu, thường được sắp xếp theo trình tự: cổng - sân - nhà (có công năng chính) - vườn. Đối xứng qua trục này ở hai bên là nhà (có công năng phụ), vườn, các cổng phụ, cây cối... Tùy theo công năng cụ thể của khuôn viên, tỷ lệ các thành phần có sự thay đổi.

Theo chiều sâu, không gian của sân được mở rộng. Trong những trường hợp sân quá rộng, người ta tạo thành các cấp nền và xây những bức tường bao thấp để chia nhỏ mặt bằng sân (sân trước Hiển Đức Môn lăng Minh Mạng, sân Đại Triều Nghi...). Tiếp đến không gian của nhà (có công năng chính) bao gồm hai toà nhà (trùng thiềm điệp ốc), toà phía trước vây ba mặt (trước và hai bên) bằng cửa "Thượng chấn song hạ đổ bản". Toà phía sau thống nhất trong một không gian nội điện với toà trước bởi liên kết "vì vỏ cua" và được bưng kín ba mặt bằng ván (ở sau và hai bên theo các hàng cột quân). Không gian từ bức vách đó đến cột hiên tạo thành một hành lang hình chữ "U" bao lấy ba mặt của toà nhà này và thông với toà nhà trước bởi hai chái. Như vậy, tuy là nhà kép, không gian của nội điện vẫn có dạng chữ "đình" (T). Toà trước là nơi đặt hương án, bày nghi trượng; toà nhà sau là nơi đặt sập thờ, án thờ, khám thờ và bài vị... Dạng hình học của không gian mặt bằng và bài trí nội thất này gọi đến không gian mặt bằng những ngôi đình làng có niên đại muộn, được đoán định bởi "nhà cầu", "ống múống" (cũng có dạng chữ "Đình"), sự khác biệt có chăng ở Huế là toà nhà phía sau nằm song song với toà nhà trước và đối tượng thờ mà thôi! Sự xuất hiện của dãy hồi

lang cũng không làm biến dạng không gian của nội thất.

Cung điện Huế là nơi thực hiện nghi lễ kéo dài về mặt thời gian và dày đặc về mật độ (xin đơn cử: Vua Đồng Khánh chết vào ngày 26 tháng chạp 1888 đến ngày 20 tháng giêng 1889 đưa thi hài đi mai táng, tháng ba năm 1889 lễ chính thức ở lăng mới được tiến hành). Trong quá trình tiến hành nghi lễ người ta triển khai các hình thức của nghi lễ trên cả sân và toàn bộ nội thất, như vậy cả ba không gian của khuôn viên được sử dụng đồng thời: không gian mở của sân, không gian nửa kín nửa mở của toà nhà trước, không gian kín của toà nhà sau. Sự tiệm tiến về mặt không gian này đã là truyền thống trong việc tạo nên ấn tượng "thâm nghiêm", thiêng liêng, thành kính của nghi lễ, nếu sân là nơi chan hoà ánh sáng thiên nhiên thì toà nhà trước là chỗ giao hoà giữa ánh sáng đèn nến với ánh sáng mặt trời, sau cùng những tấm màn đã ngăn cách ánh sáng yếu ớt đến lù mù của đèn nến trong toà nhà phía sau với bên ngoài.

Sử dụng không gian trong kiến trúc cung đình Huế không chỉ là nét truyền thống nói trên, mà còn ở việc khai thác cả ở chiều ngang với chiều sâu. Từ hai nhà đối xứng, các lối đi dẫn tới hai đầu hồi của toà nhà trước và nối với nhau bởi dãy hồi lang hình chữ "U". Dãy hồi lang chỉ có một công năng duy nhất gắn với các hoạt động dịch vụ diễn ra theo chiều ngang của khuôn viên, trong khi không gian chiều sâu được sử dụng trong thời gian dài nhiều ngày liên tục và dưới khí hậu khắc nghiệt của dải đất miền Trung vốn nổi tiếng bởi những cơn mưa tính bằng tháng.

Chiều đứng trong không gian ba chiều của khuôn viên ít được khai thác hơn, thường chỉ tập trung vào các bình độ của sân, nhà. Sự tiệm tiến đó cũng chỉ là phụ hoạ cho không gian chủ yếu diễn ra theo chiều sâu. Thông thường người ta tạo nên ba cấp sân, hoặc giữa nhà và sân thành ba cấp. Sự chênh lệch về cao độ không đáng kể, nhưng tạo nên cảm giác ít bị choáng ngợp bởi không gian mênh mông, những con số lẻ trong tâm thức Việt (ba, năm...) thường gợi lên sự động, động để chuyển. Gạch đá im lìm nhưng được sống động bởi ý niệm truyền thống và tư duy thẩm mỹ của con người. Qua khỏi cổng vào khuôn viên, người ta bị neo tầm nhìn bởi những bờ mái, đó là điểm chiếm lĩnh chiều cao của kiến trúc trong không gian này, cây xanh hầu như không có trường hợp nào che lấp kiến trúc, có thể xem như tạo thành ba vòng: sát với nhà là cảnh cây, cây thế, hoa cỏ trong chậu, trong bồn rải rác ở hai bên sân



và trong vườn là mai, đại, sồi, ngâu... cành thưa thớt có dáng vẻ không cao lắm; ngoài cùng ôm lấy khuôn viên là muỗm, xoài, vải, nhãn... Những cây lưu niên có chiều cao đáng kể. Chọn cây trên cơ sở phân tầng sinh thái, ở đây người ta còn lựa cả ý nghĩa của từng loài trong truyền thống văn hoá nhiệt đới.

Như vậy, mỗi khuôn viên đều có sự khác biệt nhưng ở chúng đều được hoàn chỉnh với một công năng cụ thể và được xem như một đơn vị kiến trúc tổng thể chuẩn mực, một cơ sở để dưới đây có thể xem xét các quan hệ cấu tạo trong từng quần thể kiến trúc cung đình.

Biểu cảm và nhận thức đường như là chức năng chủ yếu của ngôn ngữ kiến trúc ở Huế, trên cơ sở chức năng đó, cùng với hoàn cảnh giao tiếp, các khuôn viên chuẩn được cấu tạo theo hai dạng quan hệ: tổ hợp và liên tưởng.

Thủ pháp thường được dùng trong quan hệ tổ hợp là tạo các không gian liên tiếp theo chiều sâu của quần thể kiến trúc. Hoàng thành và lăng Minh Mạng có thể xem là điển hình của thủ pháp này, Hoàng thành được bố trí tới ba tuyến "Không gian" song song, tuyến giữa là nơi khai triển các công trình có quy mô lớn, có chức năng bao trùm và gắn liền với sinh hoạt của vị vua đương quyền. Hai tuyến bên bao gồm các công trình có chức năng phụ trợ như: điện thờ các vị vua quá cố, nơi sinh hoạt của mẹ vua, bà vua... Trong ngôi nhà của người Việt, gian giữa bao giờ cũng là nơi dành cho sự tôn kính, nơi thờ tổ tiên. Mở rộng ra ở Hoàng thành, vị trí đó đã được thay bằng nơi sinh hoạt của vua. Các không gian chuẩn được cấu tạo liên tiếp một cách có ý thức, nhằm gây ấn tượng mạnh mẽ có tính chất tăng tiến về uy quyền của vị vua đương nhiệm và vương triều. Trong trường hợp này, không gian kiến trúc đã góp phần tích cực để tạo nên không gian tâm lý và ý thức về sự tôn nghiêm.

Lăng Minh Mạng là một ví dụ khác, các không gian chuẩn nối nhau liên tiếp trải dài theo một trục, tạo nên nhịp điệu tăng dần để kết thúc bằng Bửu thành u tịch như hoà vào cùng với "rừng thông, núi đồi thiên nhiên". Trên nhịp điệu đó các sắc thái không gian được sử dụng uyển chuyển: sân Bi đình rộng mở, không gian điện Sùng Ân khép lại, tưởng như khép kín, nhưng qua cổng Hoàng Trạch, không gian lại được mở ra với sự xuất hiện của Minh Lâu. Lâu nay, chủ yếu là các học giả Pháp thường viện tới mô hình Trung Hoa như một dẫn xuất cho kiến trúc cung đình Huế, có lẽ bởi kiến trúc Trung Hoa cũng thường sử dụng không gian liên tiếp. Tuy nhiên, sự khác biệt ở đây là hiệu quả tâm lý, bởi cách xử lý khác nhau, không

gian liên tiếp Trung Hoa thường khép dần đến đóng, còn không gian kiến trúc cung đình Huế dù có đóng mở xen kẽ thì vẫn giữ thần thái thâm nghiêm, không hoàn toàn đoạn tuyệt với đời sống và thiên nhiên. Trong kiến trúc nhà ở đô thị và đặc biệt là kiến trúc chùa, người ta cũng thường gặp thủ pháp này: chùa Bút Tháp (Bắc Ninh); chùa Láng (Hà Nội), chùa Keo (Thái Bình)... Không gian liên tiếp được xử lý bằng các hình thức xen kẽ đóng mở mà vẫn đảm bảo được chủ đề tư tưởng và ý thức tôn nghiêm đồng thời lại phù hợp với tâm lý người Việt, sống không quen sự ức chế, áp đặt lạnh lùng khe khắt.

Trong quan hệ tổ hợp ở kiến trúc cung đình Huế, thủ pháp xen kẽ đóng - mở còn thấy diễn ra theo chiều cao của không gian. Ở Huế, sự hiện diện của số ít kiến trúc có chiều cao thường mang chức năng biểu tượng hơn là có công năng cụ thể (Kỳ Đài, Ngọ Môn, Hiển Lâm Các, Trụ biểu trên các lăng...). ở Hoàng thành chẳng hạn: Ngọ Môn đặt trước điện Thái Hoà và hệ thống kiến trúc theo đường "trung đạo"; Hiển Lâm Các cũng là nơi khởi đầu của không gian thờ cúng các vị vua tiền nhiệm và các quan đại thần có công trạng. Người ta tạo không gian kiến trúc đột dẳng bằng hai cách: vươn lên cao và tận dụng mặt nước (xuống sâu). Ở Lăng Minh Mạng, qua khỏi Hoàng Trạch Môn, một không gian "kỳ ảo" được mở ra, chính giữa là toà Minh Lâu như trôi lên vờ vờ. Công trình thật ra không cao, nhưng vì khéo tận dụng mặt nước và nền nền đã tạo thành một "điểm nhấn" đặc biệt, thêm vào đó sự tiệm tiến dạt cấp của hệ thống bậc cũng góp phần gây nên cảm giác tăng tiến về chiều cao. Khiêm Cung Môn ở lăng Tự đức cũng tương tự như vậy khi được đặt trong không gian mà phía trước có hồ Lưu Khiêm. Mặt nước được xem như mặt bằng xuất phát, ngoài vấn đề thẩm mỹ còn được quan niệm là yếu tố khởi đầu của Ngũ hành.

Trên ba trục không gian ở Hoàng Thành, chỉ có ở trục giữa gắn với không gian liên tiếp tiệm tiến theo chiều cao: từ Nghinh Lương Đình, Phú Văn Lâu, Kỳ Đài - Ngọ Môn (hai điểm đột dẳng), điện Thái Hoà, điện Càn Chánh, điện Càn Thành đến điểm cao nhất là lầu Kiến Trung, Lăng Minh Mạng cũng bắt đầu từ bình độ mặt nước sông Hương khai triển nâng dần các cao độ không gian. Có lẽ ở điểm này kiến trúc cung đình Huế đã gặp kiến trúc tôn giáo truyền thống, chùa Dạm (Bắc Ninh), chùa Thầy (Hà Tây), chùa Tây Phương (Hà Tây)... đều cho thấy những ví dụ về tổ chức không gian tiệm tiến tác động đến tâm lý tín ngưỡng như thế

nào.

Nhìn chung, đứng trước kiến trúc cung đình Huế người ta ít thấy bị áp chế, choáng ngợp, thậm chí còn thấy gần gũi bởi lẽ các không gian có xu hướng dàn trải, nhưng vẫn tập trung thể hiện được ý đồ chính, mang yếu tố "triết lý tư tưởng". Các lăng Gia Long, Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh... đều theo một khuôn mẫu bố trí hai không gian khuôn viên riêng biệt: lăng và tẩm(2). Trục "trung đạo" không còn trên toàn bộ quần thể, mà thay vào đây là trục dọc tâm của từng khuôn viên. Xin đơn cử lăng Tự Đức, để xem xét kỹ hơn về loại hình quan hệ cấu tạo này; ở đó người ta phân bố không gian đa dạng bởi sự khác nhau về bình độ, hướng và vị trí của các đơn nguyên kiến trúc, người ta đã tạo ra các nhà nửa sàn ven hồ, cầu và đảo... Các không gian của từng đơn nguyên kiến trúc dường như độc lập, riêng biệt, tuy cùng định hình trong quần thể khuôn viên. Mối quan hệ chi phối trong không gian của các kiến trúc đó là đối tượng thờ cúng, suy tôn. Đi từ nơi này tới nơi khác, trong cái không gian đó, tâm tưởng của con người luôn luôn được gợi lên một hình ảnh xuyên suốt về một chủ đề bao trùm. Tư duy liên tưởng trong không gian kiến trúc, từ lâu, đã là truyền thống trong nghệ thuật tổ chức không gian của dân tộc. Chùa Thầy (Hà Tây) chẳng hạn, đó là một quần thể tựa vào núi, không chỉ riêng ngôi chùa bề thế mà còn đường đi lên núi dẫn tới am, tới hang huyền thoại; từng không gian đều gợi về một đẳng siêu phàm trong tâm tưởng khách hành hương. Trở lại với Huế, theo tôi, có lẽ sự sáng tạo ở đây là sự sử dụng những hình ảnh mới trên cơ sở một tư duy truyền thống.

Mối quan hệ của không gian liên tưởng được xây dựng trên cơ sở sự tương đồng về ngôn ngữ kiến trúc và về quan niệm nhân sinh giữa cái sống với cái chết mà nhiều vua nhà Nguyễn đã gắng sức duy trì, củng cố. Ở khu vực lăng Gia Long, trên một phạm vi rộng cũng đã được bố trí nhiều lăng của những người thân với nhà vua. Từ lăng Gia Long đến Kinh thành, sông Hương như một gạch nối giữa người khai sáng đến vị vua đương nhiệm.

Trên đây chúng tôi đã đề cập đến các thủ pháp và sự kết hợp xoay quanh hai loại quan hệ cấu tạo nên các quần thể kiến trúc cung đình Huế. Như ở Hoàng thành, cùng một lúc quan hệ cấu tạo này đã diễn ra theo hai chiều: ngang và sâu. ở một không gian rộng hơn là Kinh thành, trên từng ô bàn cờ, tuy công năng cụ thể có khác nhau, nhưng tất cả đều xoay quanh việc phục vụ cho hoạt động của vương triều. Vì vậy, việc phân loại cũng không tránh

khỏi ý nghĩa tương đối của nó.

Ở Huế người ta còn biết được những ý đồ quy hoạch, người thiết kế - thi công, quá trình tạo tác... các công trình kiến trúc. Nhưng, chúng tôi không có tham vọng giải thích ý nghĩa của các biểu tượng kiến trúc, mà cực hạn, chỉ muốn đề cập tới hiệu quả của không gian đó.

Trước tiên, chức năng của không gian này là phục vụ vương triều Nguyễn. Tuy nhiên, dưới chế độ quân chủ chuyên chế thì ngoài chức năng nói trên, còn phải có những chức năng về chính trị, pháp quyền, tư tưởng và xã hội. Bằng các tổ chức không gian, người ta thấy rất rõ những ảnh hưởng của Nho giáo trong trật tự đến khắc khe ở Kinh thành, Hoàng thành, Văn thánh, Võ thánh... ở Hoàng thành, trong ba tuyến không gian song song, chỉ có tuyến giữa, nơi dành cho vua mới thấy tiệm tiến về chiều cao không gian, hoặc có sự phân biệt giữa các không gian dành cho nam giới - nữ giới, các quy định về ngôi thứ, phẩm trật... Kết cấu của các không gian tuân thủ chặt chẽ những quan niệm đề cao vai trò của vua như giá trị xã hội cao nhất. Trong "trật tự" kết cấu các không gian như vậy buộc con người phải ý thức được hành vi về mặt xã hội của mình và ủng hộ trật tự xã hội hiện hành.

Trong quá trình tạo tác, không gian lăng tẩm không chỉ chịu sự chi phối bởi tư tưởng Nho, mà còn phải được nhìn nhận từ một bình diện khác. Lăng Liễu Quán được dựng ở phía Nam núi Ngự Bình, trên một sườn đồi trồng đầy thông, ở chính giữa khuôn viên là một tháp gạch chứa xá lị, cổng vào được quét một lớp vôi màu đỏ, phía trước khuôn viên là hồ bán nguyệt được kẻ đá và thả sen. Tuy có khác đôi chút, song vẫn không gian đó người ta gặp được ở các lăng vua Nguyễn. Điều gì khiến người ta liên tưởng? Phải chăng chính những tư tưởng Thiên mà các vua Nguyễn viện tới như một đối trọng đối với cuộc đời. Nếu quả thật như vậy thì Hoàng thành là không gian của sự nhập thế, không gian nặng việc đời; còn không gian của sự siêu thoát, xuất thế là của lăng tẩm.

Trên đường tới lăng tẩm, từ xa đã thấy mở ra một không gian thiên nhiên với rừng cây, sông nước, đồi núi. Sự trầm tĩnh khiến lòng người lắng xuống, quên đi cái ồn ào quen thuộc thường ngày, để khoan thai đến dè dặt khi đi gần hơn đến không gian kiến trúc. Xếp sang một bên những yếu tố duy tâm, đối với lăng tẩm đó là sự phối hợp giữa không gian nhân tạo với không gian thiên nhiên, sự dung hợp giữa không gian nhỏ với không gian lớn, không gian hữu hạn của kiến trúc với không gian mênh mang của đất trời, non nước. Quần thể lăng



nằm giữa vùng bán sơn địa, xa là đôi núi vây bọc, gần kề là rừng cây quần tụ, trước mặt là sông, là hồ, không cao lắm, thường là trên sườn đồi, để tầm mắt đủ nhìn xuống một không gian mở của đồng ruộng, sông ngòi. Rồi tầm mắt được giới hạn lại bởi những quả núi đứng làm "tiền án". Nếu như Hoàng thành có không gian được cấu tạo bởi ba vòng, thì ở đây có thể xem như có sự tương đồng về nguyên tắc cấu tạo đó, vòng ngoài là không gian thiên nhiên và ở tâm là khuôn viên của quần thể kiến trúc. Những bức tường bao quanh lăng tẩm không cao, dường như có tính quy ước hơn là một ranh giới. Thiên nhiên bằng hình ảnh, bằng âm thanh và ánh sáng đã đưa cả không gian nhỏ của quần thể kiến trúc vào gần gũi, khoác lên trên cái chết tang tóc một sự yên nghỉ thường hằng. Kiến trúc nương tựa vào thiên nhiên, để tạo ra một không gian suy tưởng tâm niệm. Cái đẹp của kiến trúc được nâng lên ý nghĩa siêu thoát, đồng thời ý nghĩa siêu thoát lại được tôn thêm vẻ đẹp từ bàn tay con người. Đi giữa không gian lăng tẩm, càng đi càng thấy như trút bỏ được dần những cái nặng nề, vướng vắn, cứ ngỡ cái lăng lăng khó tả đó đã gặp rồi, đã thân quen ở đâu đấy trong những ngôi chùa như heo hút. Dẫu không có tiếng chuông chiều, nhưng nhìn lại Minh Lâu lặng yên như "chơi vơi", thấy Khiêm Cung Môn soi bóng trên mặt hồ khiến chúng ta lại liên tưởng tới gác chuông chùa Trăm Gian (Hà Tây), tam quan chùa Kim Liên (Hà Nội). Phải chăng không gian lăng tẩm Huế đã nối dòng từ không gian những ngôi chùa, bởi ý tưởng giải thoát đã vượt lên trên cái chết phạm trần.

Ảnh hưởng của những tư tưởng Phật giáo có lẽ đã tác động tới quan niệm về cái chết của

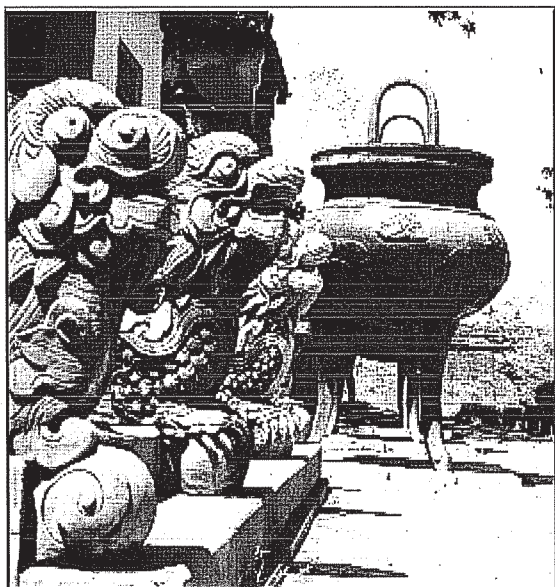
các vua nhà Nguyễn. Dù không được coi trọng như dưới thời Lý, thời Trần, nhưng ngay từ khi lập nghiệp và trong suốt quá trình tồn tại, các Chúa, rồi các vua nhà Nguyễn đã không ngừng lưu tâm khuyến khích và phát triển đạo Phật(3). Mặt khác, không gian lăng tẩm được tạo tác giàu tính thẩm mỹ, mà như một ai đó đã từng nói, ở nơi đó: "Tang tóc mỉm cười, vui tươi thồn thức", không phải đó là chứa đựng cái chết, mà rõ ràng được cấu tạo để nhấn mạnh đến sự siêu thoát trên cơ sở quan niệm chết là khởi đầu của một cuộc sống khác ở một thế giới khác. Ai đã một lần tới lăng tẩm Huế đều có những ấn tượng về cái đẹp, cái nên thơ của không gian nơi đó; bởi những người tạo tác đã xây dựng với ý đồ không phải biến lăng tẩm thành nơi chôn cất thi hài, mà thực chất muốn nhấn mạnh tới sự "yên nghỉ" của một người đã từng sống, từng nhập thế.

Với không gian Kinh thành, Hoàng thành, rõ ràng có phần duy lý đến khắt khe, thì không gian lăng tẩm thiên về duy tình, tâm tưởng nhiều hơn. So sánh này càng làm rõ quan niệm sống - chết vốn từ lâu đã có vị trí trong hệ tư duy lưỡng hợp của tâm thức Việt, về một không gian xã hội bao hàm không gian thực và không gian hư ảo, tâm tưởng(4). Không gian của sự sống nhấn tới tinh thần "thay trời hành đạo", là không gian của tư tưởng Nho giáo; song đối với cái chết với sự "trở về", thì không gian đã tìm đến tư tưởng thiên mới như nhập được vào sự vĩnh hằng.

Không gian thiên nhiên, không gian kiến trúc của con người đã làm cho Huế đẹp.

Nền văn hoá trữ tình, phong phú đã làm cho Huế nên thơ.

V.H.M



### CHÚ THÍCH:

(1) Thuật ngữ không gian trong bài được dùng để chỉ không gian kiến trúc và không gian môi cảnh gắn bó trực tiếp với kiến trúc, theo nghĩa giới hạn của thuật ngữ này.

(2) Lâu nay ở Huế một số người quen dùng hai thuật ngữ này mà theo tôi là chưa chính xác, tuy vậy tôi đành dùng theo khi chưa có dịp để bàn luận.

(3) Lịch sử nhiều ngôi chùa ở Huế và lân cận cho thấy sự giúp đỡ, hưng công của các vua chúa, quan lại, và hoàng tộc nhà Nguyễn.

(4) Trần Quốc Vượng. *Mấy ý kiến về trống đồng và tâm thức Việt cổ*, Khảo cổ số 3.1982, trang 25.